

DỰ THẢO

(Kèm theo văn bản số /TCĐBVN-TC ngày /10/2021
của Tổng cục Đường bộ Việt Nam)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2021/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

THÔNG TƯ

Ban hành định mức công tác thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ đối với các dự án xây dựng đường bộ có thu phí do Bộ Giao thông vận tải quản lý

Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Quyết định số 19/2020/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức thu phí điện tử không dừng;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 64/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 32/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý, khai thác và bảo trì đường cao tốc;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về việc quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Tổng Cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư ban hành định mức công tác thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Ban hành kèm theo Thông tư này định mức công tác thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ chi tiết như Phụ lục kèm theo.

2. Định mức ban hành tại Thông tư này áp dụng để xác định chi phí tổ chức thu phí của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ có thu phí, dự án thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng do Bộ Giao thông vận tải quản lý và chi phí vận hành hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xác định chi phí tổ chức thu phí của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ có thu phí, dự án thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng do Bộ Giao thông vận tải quản lý và xác định chi phí vận hành hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với những dự án đầu tư xây dựng đường bộ có thu phí nhưng chưa áp dụng thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng, áp dụng định mức để xác định chi phí tổ chức thu phí kể từ thời điểm Thông tư có hiệu lực.

2. Đối với những dự án đầu tư xây dựng đường bộ có thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng và dự án thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng áp dụng định mức để xác định chi phí tổ chức thu phí từ thời điểm triển khai thu phí theo hình thức điện tử không dừng, đảm bảo phù hợp với quy định tại Thông tư này và Hợp đồng đã ký.

Điều 4. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, KHCN.

BỘ TRƯỞNG**Nguyễn Văn Thể**

PHỤ LỤC

**Ban hành kèm theo Thông tư số/2021/TT-BGTVT ngày tháng năm
2021 của Bộ Giao thông vận tải**

PHẦN I. THUYẾT MINH VÀ HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG**ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ**

**ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ CÓ THU PHÍ, DỰ ÁN
THU PHÍ ĐIỆN TỬ KHÔNG DỪNG DO BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢN LÝ
VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ, GIÁM SÁT, KHAI THÁC DỮ LIỆU
THU PHÍ DỊCH VỤ VỤ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ
THẨM QUYỀN**

1. Căn cứ xây dựng định mức

- Luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019.
- Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện.
- Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- Quyết định số 19/2020/QĐ-TTg ngày 17/6/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng.
- Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác.

2. Giải thích từ ngữ

- Thu một dừng (gọi tắt là MTC) là hình thức thu mà khi qua trạm thu phí, phương tiện tham gia giao thông chỉ phải thực hiện một lần dừng khi qua cửa kiểm soát làn để trả tiền dịch vụ sử dụng đường bộ. Đối với hình thức thu phí kín (thu phí theo chặng), phương tiện tham gia giao thông dừng 1 lần tại làn đầu vào và dừng 1 lần tại làn đầu ra.
- Thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng trong bộ định mức được viết tắt là ETC.
- Thu phí hỗn hợp (MTC+ETC) là hình thức thu phí bao gồm cả Thu một dừng và Thu không dừng.
- Hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ là phần mềm và hạ tầng công nghệ thông tin có chức năng để quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu lưu lượng và doanh thu xe qua trạm thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ (sau đây gọi là hệ thống giám sát lưu lượng và doanh thu).

- Đơn vị quản lý, vận hành hệ thống giám sát lưu lượng và doanh thu là đơn vị được Tổng cục Đường bộ Việt Nam ủy quyền giao nhiệm vụ việc quản lý, vận hành hệ thống giám sát lưu lượng và doanh thu.

- Đơn vị thu tiền dịch vụ sử dụng đường bộ (sau đây gọi là đơn vị thu tiền) là Nhà đầu tư/Doanh nghiệp dự án hoặc đơn vị được Nhà đầu tư/Doanh nghiệp dự án ủy quyền, giao nhiệm vụ, lựa chọn thực hiện công tác tổ chức vận hành thu phí tại trạm.

- Giao dịch nghi vấn là các giao dịch thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ chưa rõ về giá tiền, loại xe, đối tượng miễn phí...

- Đối soát là công tác đối chiếu các giao dịch thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ.

- Thu phí liên thông là một trạm thu phí thực hiện thu phí cho nhiều dự án.

- Đơn vị tính “làn” trong tập định mức được hiểu là làn có hoạt động thu phí.

- Phân trạm là một bộ phận của trạm thu phí trong đó có làn thu phí nằm trên các nhánh đường, tuyến đường khác nhau, việc bố trí nhân công để thực hiện các công việc thu phí tại các vị trí độc lập.

- Ca trong định mức được hiểu là thời gian hoạt động thu phí trong 8 giờ. (nếu một ngày hoạt động thu phí liên tục được tính là 3 ca)

- Công: là đơn vị tính thể hiện mức hao phí lao động theo quy định của Luật lao động.

3. Nội dung của định mức:

Định mức công tác thu phí đường bộ đối với các dự án đầu tư xây dựng đường bộ có thu phí, dự án thu phí điện tử không dừng do Bộ Giao thông vận tải quản lý và vận hành hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là định mức kinh tế - kỹ thuật thể hiện mức hao phí để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ.

Định mức bao gồm 2 phần:

+ *Phần I: Định mức công tác thu phí*

+ *Phần II: Định mức công tác vận hành hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ của cơ quan có thẩm quyền*

Mỗi phần gồm 2 nội dung:

1. Định mức dự toán công tác trực tiếp:

+ Định mức dự toán công tác thu phí trực tiếp tại trạm thu phí được xác định mức hao phí lao động là số ngày công lao động của nhân công trực tiếp thực hiện khối lượng công tác thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ.

+ Cấp bậc nhân công quy định trong tập định mức là cấp bậc bình quân của các nhân công tham gia thực hiện một đơn vị công tác thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ.

Cấp bậc nhân công tham khảo theo Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí

ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện. Riêng cấp bậc nhân công công tác vận hành hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ của cơ quan có thẩm quyền căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/02/2004 của Chính Phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

2. *Định mức chi phí gián tiếp*: Định mức chi phí gián tiếp được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm theo tổng chi phí nhân công trực tiếp được xác định theo định mức trong nội dung 1.

4. Hướng dẫn sử dụng

- Ngoài thuyết minh và hướng dẫn sử dụng nêu trên, trong định mức dự toán còn có phần thuyết minh và hướng dẫn cụ thể phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện của từng công tác thu phí.

- Định mức chi phí công tác gián tiếp phục vụ thu phí không bao gồm các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn của bộ phận lao động trực tiếp mà người sử dụng lao động phải nộp cho người lao động theo quy định.

- Chi phí nhân công trực tiếp (CNC) bao gồm các khoản chi phí mà các người sử dụng lao động phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất như: tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, các khoản phụ cấp khác (nếu có), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản chi khác theo quy định đối với công nhân trực tiếp phục vụ công tác thu phí, trong đó:

+ Chi phí tiền lương, tiền công được xác định bằng hao phí lao động theo định mức dự toán công tác trực tiếp thu phí nhân với đơn giá ngày công tương ứng. Đơn giá ngày công trực tiếp phục vụ công tác thu phí được xác định theo quy định bao gồm tiền lương cơ sở và các khoản phụ cấp lương theo quy định của pháp luật.

+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản chi khác của nhân công trực tiếp theo quy định hiện hành của pháp luật bao gồm cả các khoản do người sử dụng lao động chi trả.

- Trong quá trình lập dự toán căn cứ vào thực tế hoạt động thu phí để xác định khối lượng các công tác trực tiếp thu phí (số ca làm việc, số lần hoạt động...)

- Các khối lượng ca đêm và ngày lễ tết được áp dụng đơn giá tính toán theo chế độ tiền lương theo quy định. Đối với trạm thu phí có thời gian làm việc 3 ca trong cả năm có thể lập dự toán từ tiền lương ngày công ngày bình thường và điều chỉnh chi phí nhân công theo hệ số bình quân bằng 1,2 được tính toán như sau:

TT	Nội dung	Số lượng/Năm (ca)	Chế độ tiền lương theo quy định hiện hành theo quy định tại Luật lao động số 45/2019/QH14
1	Ca làm việc bình thường ngày	365 ngày * 2 ca – 22 ca ngày lễ = 708 ca	

TT	Nội dung	Số lượng/Năm (ca)	Chế độ tiền lương theo quy định hiện hành theo quy định tại Luật lao động số 45/2019/QH14
2	Ca làm việc bình thường đêm	365 ngày * 1 ca – 11 ca ngày lễ = 354 ca	được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương ngày thường (hệ số 1,3)
3	Ca làm việc ngày lễ tết ngày: (11 ngày theo Luật lao động năm 2019)	11 ngày * 2 ca = 22 ca	được trả thêm ít nhất bằng 300% tiền lương ngày thường (hệ số 4)
4	Ca làm việc ngày lễ tết đêm	11 ngày * 1 ca = 11 ca	được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương ngày thường (hệ số 4*1,3 = 5,2)
	Tổng	1095 ca	(Hệ số lương tăng thêm bình quân: $(1*708 + 354*1,3 + 22*4 + 11*5,2)/1095 = \mathbf{1,20}$)

PHẦN II

ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ

ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐƯỜNG BỘ CÓ THU PHÍ, DỰ ÁN THU PHÍ ĐIỆN TỬ KHÔNG DỪNG DO BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ, GIÁM SÁT, KHAI THÁC DỮ LIỆU THU PHÍ DỊCH VỤ VỤ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN

I. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC THU PHÍ ĐƯỜNG BỘ

I.1. ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN CÔNG TÁC TRỰC TIẾP THU PHÍ

TTP.1100 CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG BÁN SOÁT VÉ TẠI TRẠM THU PHÍ

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, chịu trách nhiệm quản lý, điều hành và giải quyết các vấn đề liên quan đến ca trực, tổ bán soát vé, bảo vệ phân làn và các bộ phận liên quan trong ca trực được phân công phụ trách, xử lý kịp thời các tình huống phát sinh tại làn theo quy định, ghi nhận và báo cáo về tình hình hoạt động trong ca làm việc và thực hiện một số nhiệm vụ được giao liên quan khác.

Đơn vị: 1 trạm thu phí / ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TTP.11	Công tác điều hành hoạt động bán soát vé tại trạm thu phí	Lao động trực tiếp sản xuất nhóm II bậc 5/7	công	1,156
				10

Ghi chú:

- Công tác điều hành hoạt động bán soát vé tại trạm thu phí trong ca làm việc áp dụng chung cho trạm trạm thu phí (không phân chia làn thu phí một dừng và không dừng)

TTP.1200 CÔNG TÁC TRỰC TIẾP BÁN SOÁT VÉ TẠI CABIN

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, tiếp nhận vé, thực hiện kiểm vé, thu tiền bán vé, giải quyết các tình huống phát sinh trong phạm vi công việc được giao tại ca làm việc, bàn giao vé, tiền bán vé cho bộ phận có chức năng khi hết ca làm việc, xử lý xự cố làn thu phí hỗn hợp nếu có và thực hiện một số nhiệm vụ được giao liên quan khác.

Đơn vị: 1 làn thu phí / ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TTP.12	Công tác trực tiếp bán soát vé tại cabin	Lao động trực tiếp sản xuất nhóm II bậc 4/7	công	1,156
				10

Ghi chú:

- Công tác trực tiếp bán soát vé tại cabin chỉ áp dụng với làn đường thu phí sử dụng đường bộ theo hình thức một dờng (MTC) và hình thức thu phí hỗn hợp, không áp dụng với làn thu phí sử dụng máy phát thẻ tự động.

- Trường hợp lưu lượng thực tế bình quân 1 năm / 1 làn thu phí vượt lưu lượng mãn tải/làn thu phí, định mức được điều chỉnh nhân thêm hệ số K:

+ Lưu lượng từ 1,8 đến <2,5 lần lưu lượng mãn tải: $K = 1,05$

+ Lưu lượng >2,5 lần lưu lượng mãn tải: $K = 1,1$

TTP.1300 CÔNG TÁC BẢO VỆ, PHÂN LÀN XE QUA TRẠM, PHÂN TRẠM

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, thực hiện công tác bảo vệ, giám sát tài sản ngoài hiện trường thu phí, điều tiết, phân làn giao thông cho xe qua trạm và thực hiện một số nhiệm vụ được giao liên quan khác.

Đơn vị: Làn MTC và hỗn hợp / ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	≤ 2 làn MTC và Tổng số làn <3	≤ 2 làn MTC và Tổng số làn ≥ 3 làn	> 2 làn MTC
TTP.13	Công tác bảo vệ, phân làn xe qua trạm, phân trạm	Lao động trực tiếp sản xuất nhóm II bậc 3/7	công	1	0,5	0,5
				10	20	30

Ghi chú:

- Công tác bảo vệ, phân làn chỉ áp dụng với làn đường thu phí sử dụng đường bộ theo hình thức một dừng (MTC) và hình thức thu phí hỗn hợp.

- Định mức được tính với trường hợp trạm theo yêu cầu cần thực hiện bảo vệ phân làn xe; đối với trạm, phân trạm lưu thông dễ dàng không yêu cầu thực hiện bảo vệ phân làn thì không áp dụng định mức này.

- Đối với trạm, phân trạm trên đường cao tốc hoặc trạm, phân trạm trạm hình thức thu phí kín có lớn hơn 2 làn thu phí theo hình thức một dừng (MTC) và hình thức thu phí hỗn hợp thì định mức được điều chỉnh nhân hệ số $k = 0,75$.

- Trường hợp trạm thu phí có số làn

- Trường hợp lưu lượng thực tế bình quân 1 năm / 1 làn thu phí vượt lưu lượng mãn tải/làn thu phí, định mức được điều chỉnh nhân thêm hệ số K :

+ Lưu lượng từ 1,8 đến <2,5 lần lưu lượng mãn tải: $K = 1,05$.

+ Lưu lượng >2,5 lần lưu lượng mãn tải: $K = 1,1$.

- Trường hợp Trạm thu phí tại các nút giao trên đường cao tốc có nhiều phân trạm, mỗi phân trạm được coi như 1 trạm thu phí.

TTP.1400 CÔNG TÁC VẬN HÀNH LÀN THU PHÍ KHÔNG DỪNG (ETC)

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, tác nghiệp đúng vị trí được phân công, điều khiển phương tiện đi vào làn phù hợp, xử lý tình huống theo quy trình vận hành và thực hiện một số nhiệm vụ được giao liên quan khác.

Đơn vị: Trạm thu phí / ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	≤ 4 làn thu phí ETC	≤ 8 làn thu phí ETC	>8 làn thu phí ETC
TTP.14	Công tác vận hành làn thu phí không dừng (ETC)	Lao động trực tiếp sản xuất nhóm II bậc 4/7	công	1	2	3
				10	20	30

Ghi chú:

- Công tác được áp dụng với làn đường thu phí sử dụng đường bộ theo hình thức không dừng (thuần ETC) không áp dụng với làn thu phí hỗn hợp.

- Trường hợp Trạm thu phí tại các nút giao trên đường cao tốc có nhiều phân trạm, mỗi phân trạm được coi như 1 trạm thu phí.

TTP.1500 CÔNG TÁC GIÁM SÁT, HẬU KIỂM TẠI TRẠM THU PHÍ

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, thực hiện các nhiệm vụ, giám sát hoạt động thu phí theo kế hoạch phân công, hậu kiểm giao dịch thu phí, lập biên bản ghi nhận sự việc và báo cáo về các trường hợp cán bộ, nhân viên vi phạm các quy định về vận hành, quản lý thu phí trong ca làm việc, kiểm vé lượt cuối ca, các lượt xe qua trạm (phát hiện nhân viên bán vé bán sai mệnh giá nếu có) tình hình thực hiện nội quy trong công tác thu phí, lập biên bản các trường hợp vi phạm theo quy định, đối soát giao dịch ETC cuối ca và thực hiện một số nhiệm vụ được giao liên quan khác.

Đơn vị: 1 trạm thu phí / 1 ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	≤4 lần thu phí	≤8 lần thu phí	≤12 lần thu phí	≤16 lần thu phí	>16 lần thu phí
TTP.15	Công tác giám sát, hậu kiểm thu phí	Chuyên viên, kỹ sư bậc 3/8	công	1	2	3	4	5
				10	20	30	40	50

Ghi chú:

- Công tác được tính cho Bộ phận Giám sát, hậu kiểm thu phí của đơn vị trực tiếp thu phí.

- Trường hợp lưu lượng thực tế bình quân 1 năm / 1 lần thu phí vượt lưu lượng mãn tải/lần thu phí, định mức được điều chỉnh nhân thêm hệ số K:

+ Lưu lượng từ 1,8 đến <2,5 lần lưu lượng mãn tải: $K = 1,05$

+ Lưu lượng >2,5 lần lưu lượng mãn tải: $K = 1,1$

- Trường hợp phải truyền số liệu thu phí về Tổng cục đường bộ, phối hợp đối soát, kiểm tra, giải trình số liệu, định mức được điều chỉnh nhân với hệ số $K = 1,1$

- Định mức trên được định mức cho Trạm thu phí thực hiện thu phí theo hình thức một dừng (MTC), trường hợp trạm thu phí có cả 2 hình thức thu phí thì định mức được điều chỉnh nhân với hệ số k như sau:

+ Trạm thu phí do Nhà đầu tư trực tiếp thu phí:

$$k = 1 - \frac{\text{Lưu lượng xe thu phí theo hình thức thu phí không dừng (ETC)}}{\text{Tổng lưu lượng xe qua trạm thu phí x 2}}$$

+ Trạm thu phí do Đơn vị cung cấp dịch vụ thu phí quản lý, tổ chức thu phí:

$$k = 1 - \frac{\text{Lưu lượng xe thu phí theo hình thức thu phí không dừng (ETC)}}{\text{Tổng lưu lượng xe qua trạm thu phí}}$$

TTP.1600 CÔNG TÁC KẾ TOÁN VÀ QUẢN LÝ VÉ THẺ TẠI TRẠM THU PHÍ

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, chịu trách nhiệm về công tác quản lý vé, cuống vé, quản lý thực hiện các thủ tục liên quan đến công tác nhập xuất vé, theo dõi lượng vé tồn kho, cân đối nhu cầu vé, kiểm tra tình trạng vé, phát hiện lỗi in ấn nếu có, lập chứng từ xuất nhập vé cho bộ phận bán soát vé; thực hiện các nhiệm vụ thu chi tiền mặt trên cơ sở các chứng từ kế toán theo quy định, thu tiền bán vé trong ca làm việc, chuyển tiền thu từ bán vé cho bộ phận có liên quan, báo cáo tình hình thu chi trong ca làm việc; chuẩn bị đầy đủ lượng tiền lẻ để cung cấp kịp thời cho bộ phận bán soát vé và thực hiện một số nhiệm vụ được giao liên quan khác.

Đơn vị: Trạm thu phí / ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	≤ 2 lần MTC và hỗn hợp /trạm	> 2 lần MTC và hỗn hợp /trạm
TTP.16	Công tác kế toán và quản lý vé thẻ tại trạm thu phí	Chuyên viên, kỹ sư bậc 3/8	công	1,156	2,313
				10	20

Ghi chú: Đối với dự án có nhiều trạm thu phí: công tác kế toán và quản lý vé thẻ tại trạm thu phí được xác định cho Trạm thu phí có bố trí nhân viên trực làm nhiệm vụ vé thẻ. Trường hợp trạm thu phí không có công tác này thì không tính vào dự toán.

TTP.1700 CÔNG TÁC QUẢN LÝ HỆ THỐNG KỸ THUẬT TẠI TRẠM THU PHÍ CỦA ĐƠN VỊ TRỰC TIẾP TỔ CHỨC THU PHÍ TẠI TRẠM

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, khắc phục kịp thời các xử cố của máy móc, thiết bị trong ca trực; bảo dưỡng hệ thống máy móc, thiết bị thu phí theo phân công, xử lý các sự cố kỹ thuật phát sinh và những tình huống khẩn cấp (cháy nổ, điện, nước, máy tính, thiết bị thu phí, phòng sever...) và thực hiện một số nhiệm vụ được giao liên quan khác.

Đơn vị: Trạm thu phí / ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TTP.17	Công tác quản lý hệ thống kỹ thuật tại trạm thu phí	Chuyên viên, kỹ sư bậc 3/8	công	1
				10

TTP.2100 CÔNG TÁC GIÁM SÁT THU PHÍ, ĐỐI SOÁT SỐ LIỆU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỚI NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ THU PHÍ HOẶC NHÀ ĐẦU TƯ VỚI NHÀ ĐẦU TƯ TRONG TRƯỜNG HỢP THU PHÍ LIÊN THÔNG

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, thực hiện các nhiệm vụ giám sát thu phí, đối soát số liệu hoạt động thu phí của đơn vị cung cấp dịch vụ thu phí theo nhiệm vụ trong quy trình được phê duyệt.

Đơn vị: Trạm thu phí / ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	≤8 lần thu phí	≤16 lần thu phí	>16 lần thu phí
TTP.21	Công tác giám sát thu phí, đối soát số liệu của nhà đầu tư với nhà cung cấp dịch vụ thu phí hoặc nhà đầu tư với nhà đầu tư trong trường hợp thu phí liên thông	Chuyên viên, kỹ sư bậc 4/8	công	1	2	3
				10	20	30

TTP.2200 HẬU KIỂM VÀ ĐỐI SOÁT GIAO DỊCH ETC

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, thực hiện các nhiệm vụ hậu kiểm giao dịch, đối soát số liệu của nhà cung cấp dịch vụ thu phí với nhà đầu tư đối với trạm kết nối backend theo nhiệm vụ trong quy trình được phê duyệt. Đối soát số liệu giữa các nhà cung cấp dịch vụ thu phí.

Đơn vị: Ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	≤10 trạm thu phí	≤20 trạm thu phí	>20 trạm thu phí
TTP.22	Hậu kiểm và đối soát giao dịch ETC	Chuyên viên, kỹ sư bậc 4/8	công	1	2	3
				10	20	30

TTP.2300 CÔNG TÁC QUẢN LÝ TIỀN MẶT DOANH THU THU PHÍ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ THU PHÍ THEO HÌNH THỨC MỘT DỪNG (MTC) VÀ HÌNH THỨC THU PHÍ HỖN HỢP

Thành phần công việc:

Chuẩn bị, nhận ca, trong khoảng thời gian sau khi kết thúc ca làm việc của đơn vị cung cấp dịch vụ thu phí theo thỏa thuận, nhân viên quản lý doanh thu của nhà đầu tư, kiểm tra và nhận tiền mặt từ nhà cung cấp dịch vụ thu phí và quản lý theo nhiệm vụ trong quy trình được phê duyệt.

Đơn vị: Trạm thu phí / ca

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TTP.23	Công tác quản lý tiền mặt doanh thu thu phí của nhà đầu tư đối với nhà cung cấp dịch vụ thu phí theo hình thức một dừng (MTC) và hình thức thu phí hỗn hợp	Chuyên viên, kỹ sư bậc 3/8	công	1,156
				10

Ghi chú: Công tác quản lý tiền mặt doanh thu thu phí theo hình thức một dừng (MTC) và hình thức thu phí hỗn hợp được xác định cho Trạm thu phí có bố trí nhân viên trực thu tiền mặt từ dịch vụ thu phí theo hình thức một dừng (MTC) và thu phí hỗn hợp. Trường hợp trạm thu phí không có công tác này thì không tính vào dự toán.

I.2. ĐỊNH MỨC CHI PHÍ GIÁN TIẾP PHỤC VỤ THU PHÍ

1.2.1. Chi phí công tác quản lý thu phí gồm:

- Tiền lương của cán bộ, nhân viên thuộc bộ phận gián tiếp của đơn vị thu phí, các khoản phụ cấp tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi tập thể, các khoản đóng góp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, trích nộp khác theo quy định đối với cán bộ, nhân viên thuộc bộ phận gián tiếp. Chi phí gián tiếp bao gồm:

+ Phân bổ tiền lương bộ phận lãnh đạo công ty bao gồm hội đồng quản trị và ban giám đốc, các phòng ban chức năng đối với hoạt động thu phí.

+ Tiền lương của bộ phận lãnh đạo trạm thu phí: Trạm trưởng, trạm phó (nếu có)

+ Chi phí các bộ phận phục vụ gián tiếp khác như lái xe, tạp vụ, bảo vệ cơ quan...

- Chi phí văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, chi phí đi lại theo nhiệm vụ, nhiên liệu, điện nước phục vụ hoạt động, chi phí hội họp phục vụ hoạt động của trạm thu phí, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị văn phòng, sửa chữa máy móc thiết bị văn phòng, chi phí đào tạo nâng cao trình độ nhân viên, khám sức khỏe, đồng phục nhân viên, in vé, làm thẻ và các chi phí khác (nếu có)...

- Các chi phí, chế độ cho người lao động theo quy định của Luật lao động (lương thưởng, lễ tết, các chế độ phúc lợi...) của bộ phận gián tiếp, không bao gồm các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn của bộ phận lao động trực tiếp mà người sử dụng lao động phải nộp cho người lao động theo quy định đã tính vào chi phí trực tiếp.

- Chi phí bán hàng.

- Chưa bao gồm chi phí đầu tư, sửa chữa, thay thế, nâng cấp thiết bị thu phí và các chi phí khác liên quan đến chuyển đổi công nghệ thu phí.

1.2.2. Chi phí công tác quản lý thu phí được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm theo tổng chi phí nhân công trong chi phí trực tiếp công tác thu phí như sau:

1.2.2.1. Đối với trạm thu phí do Nhà đầu tư quản lý, tổ chức thu phí:

Đơn vị: Tỷ lệ %

Nội dung	Số lần thu phí của dự án				
	≤6 lần thu phí	≤12 lần thu phí	≤18 lần thu phí	≤46 lần thu phí	>46 lần thu phí
Định mức tỷ lệ công tác quản lý thu phí (%)	70	65	55	40	30

- Đối với các trạm có số lần thu phí MTC hoặc hỗn hợp ≥ 4 lần thì định mức trên điều chỉnh hệ số 0,8

1.2.2.2. Đối với trạm thu phí do Nhà cung cấp dịch vụ thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ quản lý, tổ chức thu phí:

- Định mức chi phí công tác quản lý thu phí của Nhà cung cấp dịch vụ thu phí được xác định bằng 30% chi phí nhân công trực tiếp.

- Định mức Chi phí gián tiếp của công tác tổ chức, quản lý công tác thu phí của Nhà đầu tư được tính bằng tỷ lệ 70% trên chi phí trực tiếp của Nhà đầu tư tại trạm.

Đối với các trạm có số làn thu phí MTC hoặc hỗn hợp ≥ 4 làn thì định mức trên điều chỉnh hệ số 0,8

II. ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC VẬN HÀNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ, GIÁM SÁT, KHAI THÁC DỮ LIỆU THU PHÍ DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

2.1. ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN CÔNG TÁC TRỰC TIẾP

TTP.3000 CÔNG TÁC VẬN HÀNH HỆ THỐNG QUẢN LÝ, GIÁM SÁT, KHAI THÁC DỮ LIỆU THU PHÍ DỊCH VỤ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

Thành phần công việc:

Kiểm tra, đối soát giao dịch nghi vấn; kiểm tra dữ liệu xe miễn phí, miễn giảm, vé tháng, vé quý; cập nhật dữ liệu xe; báo cáo định kỳ, đột xuất lưu lượng và doanh thu và thực hiện một số nhiệm vụ quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ khác được giao theo quy định.

Đơn vị tính: 1 ngày / 1 trạm thu phí

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TTP.31	Chuẩn bị vận hành hệ thống, đối chiếu lưu lượng và doanh thu, báo cáo	Kỹ sư bậc 5/9	công	0,03
				10

Đơn vị tính: 100 giao dịch nghi vấn/1 trạm thu phí

Mã hiệu	Công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
TTP.32	Kiểm tra, đối soát giao dịch nghi vấn	Kỹ sư bậc 5/9	công	0,61
				10

2.2. ĐỊNH MỨC CHI PHÍ GIÁN TIẾP

- Chi phí gián tiếp công tác vận hành hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ bao gồm:

+ Phân bổ tiền lương bộ phận lãnh đạo đơn vị và các bộ phận gián tiếp khác đối với hoạt động vận hành hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ.

+ Chi phí văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, nhiên liệu, điện nước phục vụ hoạt động, đường truyền mạng, chi phí bảo dưỡng thiết bị văn phòng, chi phí hội họp phục vụ hoạt động của đơn vị và các chi phí khác (nếu có)...

+ Các chi phí, chế độ cho người lao động theo quy định của Luật lao động (lương thưởng, lễ tết, các chế độ phúc lợi...) của bộ phận gián tiếp, không bao gồm các khoản bảo hiểm và kinh phí công đoàn của bộ phận lao động trực tiếp mà người sử dụng lao động phải nộp cho người lao động theo quy định đã tính vào chi phí trực tiếp.

+ Chưa bao gồm chi phí đầu tư, sửa chữa, thay thế, nâng cấp thiết bị hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ.

- Định mức chi phí gián tiếp công tác vận hành hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ được xác định bằng 30% chi phí nhân công trực tiếp vận hành hệ thống quản lý, giám sát, khai thác dữ liệu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ.